

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2024
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Ông Nguyễn Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973 (vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Võ Văn Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp XD1, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Võ Văn Th chung sống với nhau vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh Võ Văn Th có 02 người con chung tên: Võ Văn S, sinh ngày 01/01/1990 và Võ Thị N, sinh ngày 12/01/1995 hiện nay đã thành niên; về tài sản chung và nợ, chị và anh Võ Văn Th không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị

và anh Võ Văn Th sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa, cự cãi với nhau về kinh tế trong gia đình, đến tháng 01 năm 2022 chị và anh Võ Văn Th sống ly thân cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Võ Văn Th không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn Th. Về quan hệ con chung, hiện nay các con của anh chị đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, không có, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 06 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Võ Văn Th trình bày như sau:*

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, con chung như chị Bùi Thị T trình bày trên là đúng. Anh và chị Bùi Thị T chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh và chị Bùi Thị T chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau về vấn đề làm ăn kinh tế gia đình và đã ly thân từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, anh và chị Bùi Thị T có 02 người con chung tên: Võ Văn S, sinh ngày 01/01/1990 và Võ Thị N, sinh ngày 12/01/1995, hiện nay các con đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Bùi Thị T không có tài sản chung, không có nợ người người khác, người khác không nợ anh chị. Nay về quan hệ hôn nhân, anh thấy anh và chị Bùi Thị T không còn tình cảm vợ chồng, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Bùi Thị T. Về quan hệ con chung, hiện nay các con của anh chị tên: Võ Văn S, sinh ngày 01/01/1990 và Võ Thị N, sinh ngày 12/01/1995 đã thành niên, anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, anh cam kết không có, anh không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: 02 Căn cước công dân tên Bùi Thị T (Bản sao) và Võ Văn Th (Bản photo); 02 Đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 20/10/2023 và 25/10/2023 của chị Bùi Thị T (Bản chính); 02 Giấy khai sinh Võ Văn S, sinh ngày 01/01/1990 và Võ Thị N, sinh ngày 12/01/1995 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị kiện ngày 26 tháng 10 năm 2023 của chị Bùi Thị T (Bản chính).*

** Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Võ Văn Th gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Bùi Thị T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Võ Văn Th. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp XD1, xã ĐY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi các đương sự đề tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Võ Văn Th đều gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Võ Văn Th theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Bùi Thị T và anh Võ Văn Th chung sống với nhau vào năm 1989, đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi anh chị cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị T và anh Võ Văn Th đều đồng ý ly hôn, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Võ Văn Th là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Bùi Thị T và anh Võ Văn Th thống nhất tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Võ Văn S, sinh ngày 01/01/1990 và Võ Thị N, sinh ngày 12/01/1995 hiện nay đã trưởng thành. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Bùi Thị T và anh Võ Văn Th thống nhất tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Võ Văn Th là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị T và anh Võ Văn Th thống nhất tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Võ Văn S, sinh ngày 01/01/1990 và Võ Thị N, sinh ngày 12/01/1995 hiện nay đã trưởng thành. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Bùi Thị T và anh Võ Văn Th thống nhất tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006514 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Bùi Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo